

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: **9337**/BKHDĐT-QLĐTHà Nội, ngày **12** tháng **11** năm 2024

V/v lấy ý kiến đối với Dự thảo Nghị định
sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị
định quy định chi tiết một số điều và biện
pháp thi hành của Luật Đấu thầu

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI);
- Các Hiệp hội: Nhà thầu xây dựng Việt Nam, Tư vấn xây dựng Việt Nam, Nhà đầu tư công trình giao thông Việt Nam, Kinh tế xây dựng Việt Nam;
- Các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty Nhà nước.

Tại kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV, Chính phủ đã trình Quốc hội xem xét, thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu đã trình Quốc hội dự kiến thông qua.

Để bảo đảm thi hành Luật này từ ngày có hiệu lực thi hành, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Đấu thầu (kèm theo).

Bộ Kế hoạch và Đầu tư trân trọng đề nghị quý Cơ quan có ý kiến về dự thảo Nghị định, gửi về Bộ Kế hoạch và Đầu tư **trước ngày 22/11/2024** (đồng thời gửi file văn bản về địa chỉ email: chinhsachdauthau@mpi.gov.vn).

(Dự thảo Nghị định được đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ, Cổng Thông tin điện tử của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia).

Bộ Kế hoạch và Đầu tư trân trọng cảm ơn sự hợp tác của quý Cơ quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Cổng thông tin điện tử Bộ KH&ĐT (để đăng tải Dự thảo);
- Sở KH&ĐT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các đơn vị thuộc Bộ (để góp ý);
- Lưu: VT, QLĐT (ML. **33**)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG****Trần Quốc Phương**

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/2024/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 202...

NGHỊ ĐỊNH

**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA CÁC NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH
CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT ĐẦU THẦU**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật số... sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 23/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực

Bổ sung Điều 8a và Điều 8b sau Điều 8 như sau:

“Điều 8a. Hồ sơ, quy trình, thủ tục lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt đối với trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều 34 của Luật Đấu thầu (được sửa đổi, bổ sung năm 2024)

1. Người có thẩm quyền lập hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ, đồng thời gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổ chức thẩm định.

2. Hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin cơ bản của dự án;

b) Giải trình về sự cần thiết và lý do không thể đáp ứng điều kiện về lựa chọn nhà đầu tư quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 34 của Luật Đấu thầu, trong đó gồm yêu cầu cần bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại, biên giới lãnh thổ

(đối với dự án thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều 34 Luật Đầu thầu) hoặc yêu cầu, điều kiện đặc thù về thủ tục đầu tư; thủ tục giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển; phương pháp, tiêu chuẩn đánh giá và nội dung hợp đồng dự án đầu tư kinh doanh (đối với dự án thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều 34 Luật Đầu thầu)

c) Phương án lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt, bao gồm: quy trình, thủ tục lựa chọn nhà đầu tư; giải pháp cụ thể để giải quyết được các yêu cầu đặc thù, riêng biệt của dự án bảo đảm hiệu quả phương án đầu tư kinh doanh, hiệu quả đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương của dự án.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 2 Điều này, Bộ Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ lấy ý kiến của các bộ, cơ quan có liên quan về nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan đó (nếu cần thiết). Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan được lấy ý kiến phải có ý kiến gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

4. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định khoản 3 Điều này, Bộ Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định và dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng hình thức lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt (nếu đủ điều kiện) trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định. Báo cáo thẩm định đánh giá về các nội dung: sự cần thiết; việc đáp ứng hoặc không đáp ứng điều kiện đặc thù; lý do không thể đáp ứng điều kiện về lựa chọn nhà đầu tư quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 34 của Luật Đầu thầu.

5. Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định áp dụng hình thức lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt trên cơ sở hồ sơ trình của người có thẩm quyền của dự án và báo cáo thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt phải bao gồm trách nhiệm của người có thẩm quyền và các cơ quan liên quan trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà đầu tư; các yêu cầu khác trong quá trình triển khai thực hiện dự án (nếu có).

6. Trên cơ sở Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, người có thẩm quyền xây dựng và phê duyệt phương án lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt gồm những nội dung chủ yếu sau: quy trình, thủ tục lựa chọn nhà đầu tư; điều kiện ký kết, thực hiện hợp đồng và các nội dung liên quan khác để đáp ứng các điều kiện đặc thù của dự án, bảo đảm lựa chọn được nhà đầu tư có đủ năng lực, kinh nghiệm, giải pháp thực hiện dự án khả thi, hiệu quả.

Điều 8b. Hồ sơ, quy trình, thủ tục lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 3 Điều 34 của Luật Đầu thầu (được sửa đổi, bổ sung năm 2024)

1. Căn cứ quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực về thủ tục đầu tư; thủ tục giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển; phương pháp, tiêu chuẩn đánh giá và nội dung hợp đồng dự án đầu tư kinh doanh, cơ quan có thẩm quyền giao bên mời thầu thực hiện:

a) Xác định yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm, tư cách hợp lệ đối với nhà đầu tư;

b) Xây dựng phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu, dự thảo hợp đồng theo quy định của Luật Đấu thầu và pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực.

2. Căn cứ báo cáo của bên mời thầu, cơ quan có thẩm quyền quyết định phê duyệt quy trình, thủ tục lựa chọn nhà đầu tư và hồ sơ mời thầu, làm cơ sở để bên mời thầu tổ chức lựa chọn nhà đầu tư.”.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu

1. Bổ sung khoản 5 Điều 2 như sau:

“5. Hoạt động lựa chọn nhà thầu quy định tại Điều 1 Luật Đấu thầu bao gồm các hình thức mua, thuê, thuê mua.”.

2. Bổ sung các điểm đ và e khoản 1 Điều 18 như sau:

“đ) Nhà thầu rút hồ sơ dự thầu sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu;

e) Nhà thầu không nộp bản gốc bảo đảm dự thầu theo yêu cầu của Chủ đầu tư, Bên mời thầu hoặc không nộp tiền mặt, Séc bảo chi, thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định;

g) Nhà thầu không thực hiện đúng cam kết trong đơn dự thầu.”.

3. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 24 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 24 như sau:

“b) Kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt.

Hồ sơ mời thầu được lập sau khi phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu hoặc đồng thời với quá trình lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu nhưng bảo đảm hồ sơ mời thầu được phê duyệt sau khi phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu;”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 3 Điều 24 như sau:

“d. Có bảo đảm dự thầu với giá trị, thời hạn hiệu lực và đơn vị thụ hưởng đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu. Trường hợp quy định bảo đảm dự thầu theo hình thức nộp thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh thì thư bảo lãnh, giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh không vi phạm một trong các trường

hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian có hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu của hồ sơ mời thầu, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi phát hành hồ sơ mời thầu, có kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư, bên mời thầu. Thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có). Đối với gói thầu bảo hiểm, nhà thầu tham dự thầu không được xuất trình giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh do mình phát hành. ***Đối với gói thầu đấu thầu trước quy định tại Điều 42 Luật Đấu thầu (được sửa đổi, bổ sung năm 2024), nhà thầu không phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu nhưng phải cam kết trong đơn dự thầu về trách nhiệm tham dự thầu.***”

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 25 như sau:

“1. Hồ sơ mời thầu phải được thẩm định theo quy định tại Điều 129 của Nghị định này trước khi phê duyệt. ***Đối với gói thầu xây lắp, hỗn hợp có giá gói thầu không quá 20 tỷ đồng, gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ phi tư vấn có giá gói thầu không quá 10 tỷ đồng, chủ đầu tư quyết định việc thẩm định hồ sơ mời thầu. Trường hợp cần thẩm định hồ sơ mời thầu theo yêu cầu của chủ đầu tư, việc thẩm định thực hiện theo quy định tại Điều 129 của Nghị định này trước khi phê duyệt hồ sơ mời thầu.***”.

5. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 4 Điều 30 như sau:

“b) Nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật được xem xét đánh giá về tài chính theo phương pháp giá thấp nhất hoặc giá đánh giá. Nhà thầu có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có) trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) ***và xác định ưu đãi (nếu có)*** thấp nhất (đối với phương pháp giá thấp nhất) hoặc có giá đánh giá thấp nhất (đối với phương pháp giá đánh giá) được xếp hạng thứ nhất. Thư giảm giá không được công khai trong biên bản mở thầu sẽ không được xem xét, đánh giá.

Trường hợp chỉ có một nhà thầu đạt yêu cầu về kỹ thuật thì không phải xác định danh sách xếp hạng nhà thầu. Chủ đầu tư không phải phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu.”.

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 37 như sau:

“1. Hồ sơ mời thầu phải được thẩm định theo quy định tại Điều 129 của Nghị định này trước khi phê duyệt. ***Đối với gói thầu xây lắp, hỗn hợp có giá gói thầu không quá 20 tỷ đồng, gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ phi tư vấn có giá gói thầu không quá 10 tỷ đồng, chủ đầu tư quyết định việc thẩm định hồ sơ mời thầu. Trường hợp cần thẩm định hồ sơ mời thầu theo yêu cầu của chủ đầu tư,***

việc thẩm định thực hiện theo quy định tại Điều 129 của Nghị định này trước khi phê duyệt hồ sơ mời thầu.”.

7. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 61 như sau:

“b) Kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt.

Hồ sơ mời thầu được lập sau khi phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu hoặc đồng thời với quá trình lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu nhưng bảo đảm hồ sơ mời thầu được phê duyệt sau khi phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu;”.

8. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 76 như sau:

“a) Lập hồ sơ yêu cầu:

Hồ sơ yêu cầu được lập sau khi phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu hoặc đồng thời với quá trình lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu nhưng bảo đảm hồ sơ yêu cầu được phê duyệt sau khi phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

Nội dung hồ sơ yêu cầu bao gồm: thông tin tóm tắt về dự án, dự toán mua sắm, gói thầu; chỉ dẫn việc chuẩn bị và nộp hồ sơ đề xuất; tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu; tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật; xác định giá chỉ định thầu; điều kiện về hợp đồng.

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt để đánh giá về năng lực, kinh nghiệm và đánh giá về kỹ thuật. Hồ sơ yêu cầu được nêu rõ ký mã hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ cụ thể của hàng hóa, các yêu cầu về kỹ thuật, dịch vụ có liên quan (nếu có);”.

9. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 77 như sau:

“a) Lập hồ sơ yêu cầu:

Hồ sơ yêu cầu được lập sau khi phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu hoặc đồng thời với quá trình lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu nhưng bảo đảm hồ sơ yêu cầu được phê duyệt sau khi phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

Nội dung hồ sơ yêu cầu bao gồm: thông tin tóm tắt về dự án, dự toán mua sắm, gói thầu; chỉ dẫn việc chuẩn bị và nộp hồ sơ đề xuất; tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu; tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật, xác định giá thấp nhất; điều kiện về hợp đồng.

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt để đánh giá về năng lực, kinh nghiệm và đánh giá về kỹ thuật. Hồ sơ yêu cầu được nêu rõ ký mã hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ cụ thể của hàng hóa, các yêu cầu về kỹ thuật, dịch vụ có liên quan (nếu có);”.

10. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 79 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 79 như sau:

“b) Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu:

Chủ đầu tư quyết định việc thẩm định hồ sơ mời thầu. Trường hợp cần thẩm định hồ sơ mời thầu theo yêu cầu của chủ đầu tư, việc thẩm định thực hiện theo quy định tại Điều 129 của Nghị định này trước khi phê duyệt hồ sơ mời thầu. Việc phê duyệt hồ sơ mời thầu căn cứ vào tờ trình phê duyệt, báo cáo thẩm định hồ sơ mời thầu (nếu có);”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 3 Điều 79 như sau:

“đ) Việc xếp hạng nhà thầu thực hiện theo quy định trong hồ sơ mời thầu. Nhà thầu có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) **và xác định ưu đãi (nếu có)** thấp nhất đối với phương pháp giá thấp nhất hoặc có giá đánh giá thấp nhất đối với phương pháp giá đánh giá được xếp hạng thứ nhất.”.

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 79 như sau:

“4. Trình, thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu:

Chủ đầu tư quyết định việc thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu. Trường hợp cần thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu theo yêu cầu của chủ đầu tư, việc trình, thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định tại Điều 31 của Nghị định này.”

11. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 80 như sau:

“a) Lập hồ sơ yêu cầu:

Hồ sơ yêu cầu được lập sau khi phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu hoặc đồng thời với quá trình lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu nhưng bảo đảm hồ sơ yêu cầu được phê duyệt sau khi phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

Hồ sơ yêu cầu bao gồm các nội dung thông tin tóm tắt về dự án, dự toán mua sắm, gói thầu; yêu cầu nhà thầu cập nhật thông tin về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm; yêu cầu về tiến độ cung cấp và cam kết cung cấp hàng hóa bảo đảm quy cách kỹ thuật, chất lượng theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu trước đó; yêu cầu về đơn giá của hàng hóa và các nội dung cần thiết khác.

Trường hợp áp dụng mua sắm trực tiếp với nhà thầu khác theo quy định tại khoản 3 Điều 25 của Luật Đấu thầu, hồ sơ yêu cầu bao gồm tiêu chuẩn đánh giá về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm, kỹ thuật theo quy định tại Điều 24 của Nghị định này;”.

12. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 82 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 82 như sau:

“2. Đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 29 của Luật Đấu thầu:

a) Cơ quan, đơn vị được Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương (sau đây gọi là Thủ trưởng cơ quan trung ương), Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao lập hồ sơ trình Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định phương án lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt;

b) Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao cơ quan, đơn vị trực thuộc thẩm định và lấy ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao về các yếu tố cần bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại, biên giới lãnh thổ đối với gói thầu, dự án, dự toán mua sắm; ý kiến của các cơ quan liên quan khác (nếu cần thiết) trước khi xem xét, quyết định;

c) Hồ sơ trình bao gồm tờ trình và các văn bản, tài liệu liên quan. Tờ trình về lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt bao gồm những nội dung: thông tin cơ bản về dự án, dự toán mua sắm, gói thầu (tên dự án, dự toán mua sắm, gói thầu; nguồn vốn, tổng mức đầu tư của dự án, giá trị dự toán mua sắm, giá gói thầu; thời gian dự kiến thực hiện; các nội dung cần thiết khác); giải trình về sự cần thiết và điều kiện đặc thù về các yếu tố cần bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại, biên giới lãnh thổ dẫn đến không thể đáp ứng điều kiện về lựa chọn nhà thầu quy định tại các Điều 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27 và 28 của Luật Đấu thầu; dự thảo phương án lựa chọn nhà thầu gồm những nội dung chủ yếu sau: quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu; điều kiện ký kết, thực hiện hợp đồng và các nội dung liên quan khác để đáp ứng các điều kiện đặc thù của gói thầu, dự án, bảo đảm lựa chọn được nhà thầu có đủ năng lực, kinh nghiệm, giải pháp thực hiện khả thi, hiệu quả.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 82 như sau:

“3. Đối với trường hợp quy định tại điểm i khoản 1 Điều 29 của Luật Đấu thầu:

a) Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ đồng thời gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổ chức thẩm định;

b) Hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ gồm tờ trình và các văn bản, tài liệu liên quan. Tờ trình về lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt bao gồm những nội dung: thông tin cơ bản về dự án, dự toán mua sắm, gói thầu (tên dự án, dự toán mua sắm, gói thầu; nguồn vốn, tổng mức đầu tư của dự án, giá trị dự toán mua sắm, giá gói thầu; thời gian dự kiến thực hiện; các nội dung cần thiết khác); giải trình về sự cần thiết và điều kiện đặc thù đối với một hoặc một số nội dung về quy trình, thủ tục, tiêu chí lựa chọn nhà thầu, điều kiện ký kết, thực hiện hợp đồng, điều kiện khác (nếu có) dẫn đến không thể đáp ứng điều kiện về lựa chọn nhà thầu quy định tại các Điều 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27 và 28

của Luật Đấu thầu;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định tại điểm b khoản này, Bộ Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ lấy ý kiến của các bộ, cơ quan có liên quan về nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan đó (nếu cần thiết). Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan được lấy ý kiến phải có ý kiến gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

d) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định tại điểm b khoản này, Bộ Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định và dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt (nếu đủ điều kiện) trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định. Báo cáo thẩm định đánh giá về các nội dung: sự cần thiết; việc đáp ứng hoặc không đáp ứng điều kiện đặc thù; lý do không thể đáp ứng điều kiện về lựa chọn nhà thầu quy định tại các Điều 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27 và 28 của Luật Đấu thầu;

đ) Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt trên cơ sở hồ sơ trình của Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và báo cáo thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt bao gồm: gói thầu thuộc dự án, dự toán mua sắm được áp dụng lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt; trách nhiệm của người có thẩm quyền, chủ đầu tư, bên mời thầu và các cơ quan liên quan trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu; các yêu cầu khác trong quá trình triển khai thực hiện gói thầu, dự án (nếu có).

e) Trên cơ sở Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng và phê duyệt phương án lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt để đáp ứng các điều kiện đặc thù của gói thầu, dự án đối với một hoặc một số nội dung về quy trình, thủ tục, tiêu chí lựa chọn nhà thầu, điều kiện ký kết, thực hiện hợp đồng, điều kiện khác (nếu có), bảo đảm lựa chọn được nhà thầu có đủ năng lực, kinh nghiệm, giải pháp thực hiện khả thi, hiệu quả.”.

13. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 và tên của Điều 83 như sau:

a) Sửa đổi tên Điều 83 như sau:

“Điều 83. Hồ sơ, quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt đối với trường hợp quy định tại các điểm d, đ, e, g, h, **h1, h2, h3 và h4** khoản 1 Điều 29 của Luật Đấu thầu (được sửa đổi, bổ sung năm 2024)”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 83 như sau:

“4. Đối với trường hợp quy định tại các điểm đ, e, g, h, ***h1, h2, h3 và h4*** khoản 1 Điều 29 của Luật Đấu thầu (***được sửa đổi, bổ sung năm 2024***), trừ gói thầu quy định tại khoản 5 Điều này, quy trình lựa chọn nhà thầu gồm các bước:

a) Lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu. ***Đối với gói thầu thẩm định giá tài sản liên quan đến các vụ án hình sự cần thực hiện gấp theo yêu cầu của cơ quan điều tra, Hội đồng định giá tài sản theo quy định của pháp luật về tổ tụng hình sự phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu;***

b) Thương thảo hợp đồng với nhà thầu được xác định có đủ năng lực, kinh nghiệm;

c) Phê duyệt, công khai kết quả lựa chọn nhà thầu;

d) Hoàn thiện, ký kết hợp đồng với nhà thầu:

Hợp đồng phải bao gồm đầy đủ các nội dung liên quan đến yêu cầu về phạm vi, nội dung công việc cần thực hiện, thời gian thực hiện, chất lượng công việc cần đạt được và giá trị hợp đồng;

đ) Việc đăng tải thông tin về kế hoạch lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu và các thông tin về đấu thầu khác được thực hiện theo quy định tại Điều 7 và Điều 8 của Luật Đấu thầu.”.

14. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 97 như sau:

“2. Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự thầu thực hiện theo quy định tại các Điều 23, 24, 35, 36, 60 và 61 của Nghị định này. ***Đối với nội dung đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ dự thầu, nhà thầu phải đáp ứng yêu cầu không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống.***”.

15. Sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 98 như sau:

“a) Gói thầu mua sắm hàng hóa, cung cấp dịch vụ phi tư vấn có giá trị không quá 500 triệu đồng đối với dự toán mua sắm;”.

16. Sửa đổi khoản 6 Điều 101 như sau:

“6. Trình, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu:

Việc trình, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định tại Điều 31 của Nghị định này.”.

17. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 131 như sau:

a) Bổ sung khoản 28a sau khoản 28 Điều 131 như sau:

“28a. Đối với gói thầu áp dụng đấu thầu trước quy định tại Điều 42 Luật

Đấu thầu (được sửa đổi, bổ sung năm 2024), trường hợp dự án được phê duyệt có các nội dung làm thay đổi căn bản khối lượng công việc, tiêu chuẩn đánh giá đã ghi trong hồ sơ mời thầu đã phát hành thì chủ đầu tư hủy thầu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 17 Luật Đấu thầu. Trường hợp không làm thay đổi căn bản khối lượng công việc, tiêu chuẩn đánh giá đã ghi trong hồ sơ mời thầu đã phát hành và gói thầu đã lựa chọn được nhà thầu trúng thầu thì chủ đầu tư được sửa đổi, bổ sung khối lượng công việc vào hợp đồng ký với nhà thầu.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 29 Điều 131 như sau:

“29. Ngoài trường hợp quy định từ khoản 1 đến khoản 28a Điều này, khi phát sinh tình huống, chủ đầu tư xem xét, quyết định xử lý tình huống trên cơ sở bảo đảm cạnh tranh, công bằng, minh bạch, hiệu quả kinh tế và trách nhiệm giải trình.”.

18. Bổ sung khoản 2a và 2b sau khoản 2 Điều 135 như sau:

“2a) Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan quản lý ngành liên quan để ban hành quy định về mức lương của các loại chuyên gia tư vấn trong nước, làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 16 của Nghị định này.

2b) Trường hợp gói thầu có tính chất đặc thù, nhà thầu nước ngoài được chỉ định thầu hoặc lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt yêu cầu ràng buộc chỉ ký hợp đồng khi không phải đăng ký trên Hệ thống thì khi đăng tải kết quả lựa chọn nhà thầu, chủ đầu tư không cần yêu cầu nhà thầu nước ngoài đăng ký.”.

Điều 3. Thay thế, bãi bỏ một số quy định của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu

1. Bãi bỏ khoản 1 và khoản 2 Điều 83.

2. Thay cụm từ “*Phạm vi công việc thiết kế trong gói thầu EPC, EP, EC thuộc dự án đầu tư xây dựng quy định tại khoản này có thể là thiết kế FEED hoặc thiết kế cơ sở; không hình thành gói thầu EPC, EP, EC khi đã có thiết kế kỹ thuật hoặc công trình thiết kế hai bước theo quy định của pháp luật về xây dựng*” bằng cụm từ “*Việc hình thành gói thầu EPC, EP, EC có thể căn cứ vào thiết kế cơ sở, thiết kế FEED; trường hợp căn cứ thiết kế kỹ thuật thì không hình thành gói thầu EPC, EP, EC*” tại khoản 3 Điều 3.

3. Thay cụm từ “*trường hợp có nhiều hơn 01 báo giá thì lấy giá trung bình của các báo giá*” bằng cụm từ “*trường hợp có nhiều hơn 01 báo giá thì được lấy giá trung bình của các báo giá*” tại điểm d khoản 2 Điều 16.

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất

Bổ sung Điều 9a và Điều 9b sau Điều 9 như sau:

“Điều 9a. Hồ sơ, quy trình, thủ tục lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt đối với trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều 34 của Luật Đấu thầu (được sửa đổi, bổ sung năm 2024)

1. Người có thẩm quyền lập hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ, đồng thời gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổ chức thẩm định.

2. Hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin cơ bản của dự án;

b) Giải trình về sự cần thiết và lý do không thể đáp ứng điều kiện về lựa chọn nhà đầu tư quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 34 của Luật Đấu thầu, trong đó gồm yêu cầu cần bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại, biên giới lãnh thổ (đối với dự án thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều 34 Luật Đấu thầu) hoặc yêu cầu, điều kiện đặc thù về thủ tục đầu tư; thủ tục giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển; phương pháp, tiêu chuẩn đánh giá và nội dung hợp đồng dự án đầu tư kinh doanh (đối với dự án thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều 34 Luật Đấu thầu)

c) Phương án lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt, bao gồm: quy trình, thủ tục lựa chọn nhà đầu tư; giải pháp cụ thể để giải quyết được các yêu cầu đặc thù, riêng biệt của dự án bảo đảm hiệu quả phương án đầu tư kinh doanh, hiệu quả sử dụng đất hoặc hiệu quả đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương của dự án.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 2 Điều này, Bộ Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ lấy ý kiến của các bộ, cơ quan có liên quan về nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan đó (nếu cần thiết). Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan được lấy ý kiến phải có ý kiến gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

4. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định khoản 3 Điều này, Bộ Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định và dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng hình thức lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt (nếu đủ điều kiện) trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định. Báo cáo thẩm định đánh giá về các nội dung: sự cần thiết; việc đáp

ứng hoặc không đáp ứng điều kiện đặc thù; lý do không thể đáp ứng điều kiện về lựa chọn nhà đầu tư quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 34 của Luật Đấu thầu.

5. Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định áp dụng hình thức lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt trên cơ sở hồ sơ trình của người có thẩm quyền của dự án và báo cáo thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt phải bao gồm trách nhiệm của người có thẩm quyền và các cơ quan liên quan trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà đầu tư; các yêu cầu khác trong quá trình triển khai thực hiện dự án (nếu có).

6. Trên cơ sở Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, người có thẩm quyền xây dựng và phê duyệt phương án lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt gồm những nội dung chủ yếu sau: quy trình, thủ tục lựa chọn nhà đầu tư; điều kiện ký kết, thực hiện hợp đồng và các nội dung liên quan khác để đáp ứng các điều kiện đặc thù của dự án, bảo đảm lựa chọn được nhà đầu tư có đủ năng lực, kinh nghiệm, giải pháp thực hiện dự án khả thi, hiệu quả.

Điều 9b. Hồ sơ, quy trình, thủ tục lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 3 Điều 34 của Luật Đấu thầu (được sửa đổi, bổ sung năm 2024)

1. Căn cứ quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực về thủ tục đầu tư; thủ tục giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển; phương pháp, tiêu chuẩn đánh giá và nội dung hợp đồng dự án đầu tư kinh doanh, cơ quan có thẩm quyền giao bên mời thầu thực hiện:

a) Xác định yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm, tư cách hợp lệ đối với nhà đầu tư;

b) Xây dựng phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu, dự thảo hợp đồng theo quy định của Luật Đấu thầu và pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực.

2. Căn cứ báo cáo của bên mời thầu, cơ quan có thẩm quyền quyết định phê duyệt quy trình, thủ tục lựa chọn nhà đầu tư và hồ sơ mời thầu, làm cơ sở để bên mời thầu tổ chức lựa chọn nhà đầu tư.”

Điều 5. Quy định chuyên tiếp

1. Các gói thầu lựa chọn nhà thầu đã phê duyệt và phát hành hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục tổ chức lựa chọn danh sách ngắn, lựa chọn nhà thầu, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng theo quy định của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15, Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.

2. Đối với gói thầu đã phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu nhưng đến ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà chưa phát hành hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, trường hợp kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã phê duyệt không phù hợp với Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu và Nghị định này thì phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu để phù hợp với quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu và Nghị định này.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, CN (2).

TM. CHÍNH PHỦ

QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /2024/QH15

DỰ THẢO

LUẬT

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT QUY HOẠCH, LUẬT ĐẦU TƯ, LUẬT ĐẦU TƯ THEO PHƯƠNG THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ VÀ LUẬT ĐẦU THẦU

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 15/2023/QH15, Luật số 16/2023/QH15, Luật số 28/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 36/2024/QH15 và Luật số 38/2024/QH15; Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 72/2020/QH14, Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 31/2024/QH15; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2022/QH15, Luật số 28/2023/QH15, Luật số 35/2024/QH15; Luật Đấu thầu số 23/2023/QH15.

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu

1. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 7 Điều 3 như sau:

“d) Lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để bảo đảm tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên sử dụng nguồn vốn sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp do doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; lựa chọn nhà thầu để thực hiện các gói thầu thuộc dự án đầu tư kinh doanh quy định tại khoản 3 Điều 2 của Luật này; lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn phục vụ trực tiếp cho gói thầu mà đơn vị sự nghiệp công lập đã ký hợp đồng”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 11 Điều 4 như sau:

“11. “*Đấu thầu trong nước* là hoạt động đấu thầu chỉ có nhà thầu, nhà đầu tư trong nước được tham dự thầu, *trừ trường hợp nhà tài trợ nước ngoài có quy định về việc nhà thầu nước ngoài được tham dự thầu đối với gói thầu thuộc dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài.*”

3. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 5 như sau:

“a) Đối với nhà thầu, nhà đầu tư trong nước: là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài và tổ chức khác được đăng ký thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam. Đối với nhà thầu, nhà đầu tư nước ngoài: có đăng ký thành lập, hoạt động theo pháp luật nước ngoài”.

4. Bổ sung điểm d khoản 4 Điều 6 như sau:

“d) Nhà thầu tham dự thầu với nhà thầu tư vấn cho gói thầu đó không có cổ phần hoặc phần vốn góp của nhau; không cùng có cổ phần hoặc phần vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên, *trừ trường hợp đấu thầu quốc tế*.”.

5. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 11 như sau:

“a) Nhà tài trợ vốn cho dự án, gói thầu có yêu cầu tổ chức đấu thầu quốc tế *theo quy định ràng buộc của nhà tài trợ*”.

6. Bổ sung điểm e khoản 1 Điều 17 như sau:

“e) Hủy thầu theo quy định tại khoản 5 Điều 42 của Luật này”

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 22 như sau:

“2. Nhà tài trợ vốn cho dự án, gói thầu có yêu cầu tổ chức đấu thầu hạn chế *theo quy định ràng buộc của nhà tài trợ*”.

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 23 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 như sau:

“a) Gói thầu cấp bách cần triển khai nhằm mục tiêu bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia, thực hiện nhiệm vụ chính trị của quốc gia được cấp có thẩm quyền quyết định; gói thầu cần thực hiện để khắc phục ngay hoặc để xử lý kịp thời hậu quả gây ra do thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ, sự cố, thảm họa hoặc sự kiện bất khả kháng khác;”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 như sau:

“c) Gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, phi tư vấn, thuốc, hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế, linh kiện, phụ kiện, phương tiện, xây lắp, thuốc bảo vệ thực vật, hạt giống cây trồng, hóa chất sát trùng, vật tư cần triển khai ngay để phục vụ công tác phòng, chống dịch bệnh; gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, phi tư vấn, hàng hóa, xây lắp nhằm duy trì hoạt động của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong trường hợp cấp bách, tránh gây nguy hại đến tính mạng, sức khỏe người dân; gói thầu mua thuốc, hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế, linh kiện, phụ kiện để cấp cứu người bệnh trong tình trạng cấp cứu theo quy định của Luật Khám bệnh, chữa bệnh trong trường hợp cơ sở khám bệnh, chữa bệnh không có đủ thuốc, hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế, linh kiện, phụ kiện; gói thầu mua thuốc, thiết bị y tế chỉ có duy nhất một hãng sản xuất trên thị trường;”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm g khoản 1 như sau:

“g) Gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết

kế xây dựng được chỉ định cho tác giả của phương án kiến trúc trúng tuyển khi tác giả đó có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật về xây dựng; gói thầu thi công xây dựng, phục chế tượng đài, phù điêu, tranh hoành tráng, tác phẩm nghệ thuật gắn với quyền tác giả từ khâu sáng tác đến thi công công trình; gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn lập quy hoạch đô thị và nông thôn được chỉ định cho tác giả của ý tưởng quy hoạch đô thị và nông thôn đã trúng tuyển thông qua thi tuyển; gói thầu thực hiện công trình khảo cổ và phục hồi khảo cổ;”;

c) Sửa đổi, bổ sung điểm m khoản 1 như sau:

“m) Gói thầu thuộc dự toán mua sắm không hình thành dự án có giá gói thầu trong hạn mức không quá 300 triệu đồng; gói thầu thuộc dự án trong hạn mức không quá 500 triệu đồng đối với gói thầu dịch vụ tư vấn, không quá 01 tỷ đồng đối với gói thầu dịch vụ phi tư vấn, hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp; gói thầu lập nhiệm vụ quy hoạch có giá gói thầu trong hạn mức không quá 500 triệu đồng.”

d) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 như sau:

“a) Có quyết định đầu tư được phê duyệt đối với dự án, trừ gói thầu tư vấn phục vụ công tác chuẩn bị dự án; *có quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch đối với gói thầu tư vấn lập quy hoạch và các gói thầu phục vụ công tác lập quy hoạch, trừ trường hợp gói thầu cần thực hiện trước khi phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch và trường hợp không phải phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch*”.

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 29 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung các điểm d, đ, e, g khoản 1 như sau:

“d) Lựa chọn luật sư, *tổ chức hành nghề luật sư* cung cấp dịch vụ pháp lý để bảo vệ quyền và lợi ích của Nhà nước Việt Nam, cơ quan nhà nước tại *cơ quan điều tra áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại nước ngoài*, cơ quan tài phán, *cơ quan giải quyết tranh chấp trong nước thực hiện theo quy trình tố tụng quốc tế, cơ quan giải quyết tranh chấp* nước ngoài hoặc quốc tế;”.

“đ) Gói thầu về đào tạo chuyên sâu cho cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập do cơ sở đào tạo nước ngoài trực tiếp thực hiện tại nước ngoài; mua vé máy bay cho đoàn đi công tác trong nước và quốc tế; gói thầu đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành đặc thù cho cán bộ, công chức, *viên chức, người lao động* do cần thiết phải mời cơ quan, đơn vị có thẩm quyền hoặc có chức năng, nhiệm vụ đào tạo chuyên môn được cơ quan có thẩm quyền giao.”

“e) Gói thầu thực hiện nhiệm vụ chính trị do Đảng và Nhà nước giao, bao gồm: tuyên truyền trên báo in, báo điện tử, đài phát thanh, truyền hình và phương tiện thông tin đại chúng khác trong trường hợp cơ quan, đơn vị được giao kinh phí tuyên truyền trực tiếp ký hợp đồng với các cơ quan này để thực hiện; hợp tác sản xuất phim, *sản xuất phim; gói thầu của các đơn vị sự nghiệp của Trung ương đảng, cơ quan thuộc Chính phủ mua thông tin của các hãng thông tấn, tổ chức báo chí nước ngoài, in ấn phẩm báo chí nhằm*

tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, nhà nước.”

“g) Gói thầu sản xuất chương trình phát sóng gắn liền với ý tưởng thực hiện; tổ chức chương trình nghệ thuật đặc biệt;”;

b) Bổ sung các điểm h1, h2, h3 và h4 vào sau điểm h khoản 1 như sau:

“h1) Gói thầu thẩm định giá tài sản liên quan đến các vụ án hình sự cần thực hiện gấp theo yêu cầu của cơ quan điều tra;

h2) Gói thầu cung cấp dịch vụ tổ chức các hội nghị, hội thảo, đại hội, tập huấn (phục vụ ăn, nghỉ, đi lại cho đại biểu; trang thiết bị, thuê hội trường, phòng họp và các dịch vụ liên quan) có yêu cầu phải bố trí địa điểm ăn, nghỉ tập trung cho đại biểu và có yêu cầu thực hiện gấp;

h3) Gói thầu phục vụ công tác đối ngoại đón đoàn khách quốc tế thăm và làm việc tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về nghi lễ đối ngoại; gói thầu mua tặng phẩm đối ngoại cho Lãnh đạo Đảng, Nhà nước và Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương đi công tác nước ngoài;

h4) Gói thầu mua dịch vụ của các công ty xếp hạng tín dụng quốc tế; gói thầu mua dịch vụ thanh toán quốc tế được cung cấp độc quyền bởi Hiệp hội viễn thông tài chính liên ngân hàng toàn cầu SWIFT; gói thầu mua dịch vụ của các công ty cung cấp dịch vụ thông tin tài chính – tiền tệ quốc tế và nền tảng giao dịch”.

c) Sửa đổi, bổ sung điểm i khoản 1 như sau:

“i) Trường hợp dự án, gói thầu có điều kiện đặc thù về quy trình, thủ tục, tiêu chí lựa chọn nhà thầu, điều kiện ký kết và thực hiện hợp đồng không thuộc quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h, h1, h2, h3 và h4 khoản này, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt.”

d) Sửa đổi khoản 2 như sau:

“2. Thẩm quyền quyết định lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt được quy định như sau:

a) Bộ trưởng Bộ Y tế quyết định và chịu trách nhiệm về việc lựa chọn nhà thầu quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này;

b) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định và chịu trách nhiệm về việc lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu thuộc dự án, dự toán mua sắm quy định tại điểm c khoản 1 Điều này trên cơ sở ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao theo từng lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý về sự cần thiết và điều kiện bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại, biên giới lãnh thổ đối với gói thầu thuộc dự án, dự toán mua sắm đó;

c) *Người có thẩm quyền của dự án, dự toán mua sắm* quyết định và chịu trách nhiệm về việc lựa chọn nhà thầu quy định tại các điểm d, đ, e, g, h, **h1, h2, h3 và h4** khoản 1 Điều này.”.

đ) Sửa đổi khoản 3 như sau:

“3. Văn bản đề nghị phê duyệt phương án lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt phải nêu rõ lý do không thể đáp ứng điều kiện về lựa chọn nhà thầu quy định tại các điều 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27 và 28 của Luật này; **đối với các trường hợp quy định tại các điểm d, đ, e, g, h, h1, h2, h3 và h4 khoản 1 Điều này không phải nêu lý do không thể đáp ứng điều kiện về lựa chọn nhà thầu quy định tại các Điều 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27 và 28 của Luật này.**”.

10. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 31 như sau:

“b) Đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế đối với gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp ***có nội dung hoặc công việc thuộc danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển, danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển do Thủ tướng Chính phủ ban hành; trường hợp không áp dụng quy định tại điểm này thì có thể áp dụng phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ***”.

11. Bổ sung khoản 3 vào sau khoản 2 Điều 34 như sau:

“3. Lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt.”;

12. Bổ sung Điều 34a vào sau Điều 34 như sau:

“Điều 34a. Lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt

1. Việc lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt được áp dụng đối với dự án đầu tư kinh doanh không thể lựa chọn nhà đầu tư quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 34 của Luật này, bao gồm:

a) Dự án có yêu cầu bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại; biên giới lãnh thổ;

b) Dự án có yêu cầu bảo đảm lợi ích quốc gia;

c) Dự án xuất hiện các yêu cầu, điều kiện đặc thù về thủ tục đầu tư; thủ tục giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển; phương pháp, tiêu chuẩn đánh giá và nội dung hợp đồng dự án đầu tư kinh doanh mà chưa được pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực quy định;

d) Dự án xuất hiện các yêu cầu, điều kiện đặc thù theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực về thủ tục đầu tư; thủ tục giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển; phương pháp, tiêu chuẩn đánh giá và nội dung hợp đồng dự án đầu tư kinh doanh.

2. Thẩm quyền quyết định việc lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt được quy định như sau:

a) Thủ tướng Chính phủ quyết định đối với dự án quy định tại điểm a, b và c khoản 1 Điều này;

b) Người có thẩm quyền quyết định đối với dự án quy định tại điểm d khoản 1 Điều này.

3. Chính phủ quy định chi tiết hồ sơ, quy trình, thủ tục lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt.”

13. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 38 như sau:

“a) Quyết định phê duyệt dự án và tài liệu có liên quan, trừ trường hợp gói thầu cần thực hiện trước khi phê duyệt dự án; *đối với gói thầu tư vấn lập quy hoạch và các gói thầu phục vụ công tác lập quy hoạch, có quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch và tài liệu có liên quan, trừ gói thầu tư vấn cần thực hiện trước khi phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch và trường hợp không phải phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch.* Đối với gói thầu cần thực hiện trước khi phê duyệt dự án thì căn cứ theo quyết định của người đứng đầu chủ đầu tư hoặc người đứng đầu đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án trong trường hợp chưa xác định được chủ đầu tư”.

14. Sửa đổi, bổ sung Điều 42 như sau:

“Điều 42. Đấu thầu trước

1. Đấu thầu trước là việc thực hiện trước một số thủ tục trước khi điều ước quốc tế, thỏa thuận vay nước ngoài được ký kết đối với dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài hoặc trước khi dự án được phê duyệt đầu tư nhằm mục đích đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án, trừ các gói thầu cần thực hiện trước khi phê duyệt dự án.

2. Các gói thầu có thể thực hiện đấu thầu trước:

a) Gói thầu mua sắm hàng hóa đã xác định rõ phạm vi cung cấp, yêu cầu kỹ thuật;

b) Gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, phi tư vấn, hàng hóa, xây lắp phục vụ công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, di dời công trình hạ tầng, kỹ thuật, rà phá bom mìn, vật nổ, quy hoạch, tái định cư;

c) Gói thầu tư vấn quản lý dự án cho các phần công việc thực hiện sau khi dự án được phê duyệt, lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật, lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, giám sát thi công;

d) Gói thầu thuộc dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài có yêu cầu đấu thầu trước theo quy định ràng buộc của nhà tài trợ.

3. Đối với gói thầu quy định tại khoản 2 Điều này, các thủ tục được thực hiện trước khi dự án được phê duyệt hoặc trước khi ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận vay nước ngoài bao gồm:

a) Lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

b) Xác định danh sách ngắn (nếu có);

c) Lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu;

d) Đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất;

đ) Xét duyệt trúng thầu, xác định nhà thầu trúng thầu.

Việc ký kết hợp đồng chỉ được thực hiện sau khi dự án được phê duyệt đầu tư; đối với gói thầu thuộc dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài, việc ký kết hợp đồng có thể thực hiện trước khi ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận vay nước ngoài theo quy định của nhà tài trợ nước ngoài nhưng phải đảm bảo sau khi dự án được phê duyệt đầu tư.

4. Đối với gói thầu đấu thầu trước, nhà thầu không phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu quy định tại Điều 14 Luật Đấu thầu nhưng phải cam kết trong hồ sơ dự thầu về trách nhiệm tham dự thầu.

5. Hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ yêu cầu, hồ sơ mời thầu phải xác định rõ trách nhiệm của nhà thầu và chủ đầu tư trong việc thực hiện đấu thầu trước theo quy định tại Điều này.

Trường hợp dự án không được phê duyệt hoặc điều ước quốc tế, thỏa thuận vay nước ngoài không được ký kết mà không thể bố trí nguồn vốn khác thì chủ đầu tư hủy thầu và không phải bồi hoàn chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu.

6. Chủ đầu tư, người đứng đầu đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án có thể hình thành gói thầu bao gồm một hoặc một số công việc: khảo sát xây dựng, lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, lập quy hoạch chi tiết xây dựng, báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế kỹ thuật, lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật, lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, giám sát thi công để tổ chức lựa chọn nhà thầu. Các công việc lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật, lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, giám sát thi công chỉ được thực hiện sau khi dự án được phê duyệt.

7. Các hoạt động quy định tại Điều này được thực hiện theo quy định tại Điều 43 của Luật này. Việc lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu đấu thầu trước không phải căn cứ các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 38 Luật Đấu thầu”.

15. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 43 như sau:

“d) Thương thảo hợp đồng đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn. Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, cung cấp dịch vụ phi tư vấn áp dụng đấu thầu quốc tế, gói thầu hỗn hợp và gói thầu có nội dung hoặc công việc thuộc danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển, danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển do Thủ tướng Chính phủ ban hành; trường hợp cần thiết, bên mời thầu có thể thương thảo hợp đồng với nhà thầu xếp hạng thứ nhất”.

16. Sửa đổi, bổ sung điểm b và điểm đ khoản 1 Điều 45 như sau:

“b) Thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu đối với đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế tối thiểu là 18 ngày đối với đấu thầu trong nước, 35 ngày đối với đấu thầu quốc tế kể từ ngày đầu tiên hồ sơ mời thầu được phát hành đến ngày có

thời điểm đóng thầu; đối với gói thầu xây lắp, hỗn hợp có giá gói thầu không quá 20 tỷ đồng, gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ phi tư vấn có giá gói thầu không quá 10 tỷ đồng thì thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu tối thiểu là 09 ngày đối với đấu thầu trong nước, 18 ngày đối với đấu thầu quốc tế; ***đối với gói thầu tư vấn đơn giản hoặc gói thầu tư vấn có giá trị không quá 500 triệu đồng hoặc gói thầu tư vấn cấp bách cần thực hiện ngay do yêu cầu về tiến độ thì thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu có thể quy định tối thiểu là 09 ngày đối với đấu thầu trong nước***”.

“đ) Việc sửa đổi hồ sơ mời thầu được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 10 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu; đối với gói thầu xây lắp, hỗn hợp có giá gói thầu không quá 20 tỷ đồng, gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ phi tư vấn có giá gói thầu không quá 10 tỷ đồng, ***gói thầu tư vấn đơn giản hoặc gói thầu tư vấn có giá trị không quá 500 triệu đồng hoặc gói thầu tư vấn cấp bách cần thực hiện ngay do yêu cầu về tiến độ***, việc sửa đổi hồ sơ mời thầu được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu. Việc sửa đổi hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu.”

17. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 55 như sau:

“2. Đối với việc mua thuốc không thuộc danh mục thuốc do quỹ bảo hiểm y tế chi trả, mua vắc xin để tiêm chủng theo hình thức dịch vụ, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở y tế tự quyết định việc mua sắm trên cơ sở bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả kinh tế và trách nhiệm giải trình.

Đối với việc mua thuốc để bán lẻ tại cơ sở bán lẻ thuốc trong khuôn viên của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, trường hợp áp dụng mua sắm trực tiếp, chủ đầu tư được áp dụng nhiều lần đối với một hoặc nhiều loại thuốc; việc áp dụng mua sắm trực tiếp trong từng lần phải đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 25 của Luật này.”

18. Sửa đổi, bổ sung khoản 10 Điều 78 như sau:

“10. Hủy thầu đối với trường hợp quy định tại điểm a ***và điểm e*** khoản 1 Điều 17 của Luật này.”

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2025, trừ quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Việc thực hiện hợp đồng BT thanh toán bằng ngân sách nhà nước và hợp đồng BT thanh toán bằng quỹ đất quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 45a của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 3 của Luật này) có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Điều 6. Điều khoản chuyển tiếp

1. Kinh phí cho hoạt động quy hoạch đã được bố trí trước ngày Luật này có

hiệu lực được tiếp tục sử dụng theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Quy hoạch đang thực hiện điều chỉnh theo Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội và đã gửi xin ý kiến của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan có liên quan trước ngày Luật này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện điều chỉnh theo quy định tại Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội.

3. Kế hoạch thực hiện quy hoạch tỉnh đã trình Thủ tướng Chính phủ trước ngày Luật này có hiệu lực nhưng chưa được ban hành thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, ban hành theo quy định tại khoản 17 Điều 1 của Luật này.

Kế hoạch thực hiện quy hoạch tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ ban hành trước ngày Luật này có hiệu lực, trường hợp cần điều chỉnh thì thực hiện điều chỉnh theo quy định tại khoản 17 Điều 1 của Luật này.

4. Kể từ ngày Luật này có hiệu lực thì hành, hồ sơ hợp lệ đề nghị chấp thuận, điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất; dự án đầu tư xây dựng mới bến cảng, khu bến cảng dưới 2.300 tỷ đồng thuộc cảng biển đặc biệt; dự án đầu tư phù hợp với quy định của pháp luật về di sản văn hóa không phân biệt quy mô diện tích đất, dân số thuộc phạm vi khu vực bảo vệ I và II của di tích được cấp có thẩm quyền công nhận là di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt, trừ khu vực bảo vệ I của di tích quốc gia đặc biệt thuộc Danh mục di sản thế giới đã tiếp nhận trước ngày Luật này có hiệu lực thì hành nhưng chưa trả kết quả thì được giải quyết như sau:

a) Trường hợp dự án đã được trình Thủ tướng Chính phủ xem xét chấp thuận, điều chỉnh chủ trương đầu tư trước ngày Luật này có hiệu lực thì hành được tiếp tục thực hiện theo quy định của Luật số 61/2020/QH14.

Đối với dự án chưa đáp ứng yêu cầu, điều kiện để chấp thuận, điều chỉnh chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư số 61/2020/QH14, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chuyển hồ sơ dự án, ý kiến thẩm định và báo cáo thẩm định cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để xử lý theo thẩm quyền quy định tại Luật này trên cơ sở ý kiến của Thủ tướng Chính phủ.

b) Trường hợp dự án chưa được trình Thủ tướng Chính phủ xem xét chấp thuận, điều chỉnh chủ trương đầu tư trước ngày Luật này có hiệu lực thì hành, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chuyển hồ sơ dự án và ý kiến thẩm định dự án (nếu có) cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để xử lý theo thẩm quyền quy định tại Luật này.

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được tiếp tục sử dụng hồ sơ dự án, ý kiến thẩm định và báo cáo thẩm định để xem xét chấp thuận, điều chỉnh chủ trương đầu tư trong các trường hợp quy định tại các điểm a và b khoản này.

5. Đối với các dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, dự án đầu tư xây dựng mới bến cảng, khu bến cảng thuộc cảng biển đặc biệt, dự án đầu tư thuộc khu vực bảo vệ của di tích đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư trước ngày Luật này có hiệu lực thì hành nay thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban

nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại khoản 5 Điều 2 của Luật này thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan có thẩm quyền chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư.

6. Đối với các dự án đầu tư thuộc đối tượng quy định tại khoản 7 Điều 2 của Luật này đã được chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành, nhà đầu tư được lựa chọn áp dụng thủ tục đầu tư đặc biệt theo quy định sau:

a) Nhà đầu tư nộp hồ sơ đăng ký đầu tư theo quy định tại khoản 7 Điều 2 Luật này kèm theo báo cáo tình hình thực hiện dự án đến thời điểm nộp hồ sơ cho Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế.

Trường hợp dự án đầu tư gồm nhiều giai đoạn, nhà đầu tư được lựa chọn áp dụng thủ tục đầu tư đặc biệt đối với từng giai đoạn.

b) Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế thực hiện thủ tục tương ứng quy định tại khoản 7 Điều 2 Luật này để cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong trường hợp dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

c) Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ghi nhận nội dung dự án đầu tư được đăng ký theo quy định tại điểm a khoản này.

Nhà đầu tư được triển khai dự án đầu tư theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đã được cấp hoặc cấp đổi theo quy định tại điểm b khoản này.

7. Đối với dự án được quyết định chủ trương đầu tư, chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc chấp thuận đầu tư, cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành, thì thời hạn 24 tháng để Cơ quan đăng ký đầu tư chấm dứt hoặc chấm dứt một phần hoạt động của dự án đầu tư tại khoản 9 Điều 2 Luật này được tính từ ngày 01/01/2025 nếu thời điểm kết thúc tiến độ thực hiện mục tiêu hoạt động chủ yếu của dự án tại văn bản quyết định chủ trương đầu tư, văn bản chấp thuận đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh trước ngày 01/01/2025.

8. Dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư đã tổ chức lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc báo cáo nghiên cứu tiền khả thi điều chỉnh nhưng đến ngày Luật này có hiệu lực thi hành chưa trình thẩm định hoặc chưa thành lập Hội đồng thẩm định thì thẩm quyền, trình tự, thủ tục chuẩn bị dự án hoặc điều chỉnh chủ trương đầu tư thực hiện theo quy định của Luật này. Trường hợp đã thành lập Hội đồng thẩm định và triển khai nhiệm vụ thẩm định chủ trương đầu tư thì tiếp tục thực hiện trình tự, thủ tục, thẩm quyền thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư hoặc điều chỉnh chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về PPP có hiệu lực trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành.

Nguyên thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư hoặc điều chỉnh chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về PPP có hiệu lực trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành.

9. Dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư đã được Thủ tướng Chính

phủ quyết định chủ trương đầu tư và đang tổ chức lập báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh nhưng đến ngày Luật này có hiệu lực thi hành chưa trình thẩm định hoặc chưa thành lập Hội đồng thẩm định liên ngành thì thẩm quyền, trình tự, thủ tục phê duyệt dự án hoặc điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi thực hiện theo quy định của Luật này. Trường hợp đã thành lập Hội đồng thẩm định và triển khai nhiệm vụ thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi thì tiếp tục thực hiện trình tự, thủ tục, thẩm quyền thẩm định, phê duyệt dự án hoặc điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi theo quy định của pháp luật về PPP có hiệu lực trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành.

m định báo cáo nghiên cứu khả thi thì tiếp tục thực hiện trình tự, thủ tục, thẩm quyền thẩm định, phê duyệt dự án hoặc điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi theo quy định của pháp luật về PPP có hiệu lực trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành.

10. Dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án nhưng đến ngày Luật này có hiệu lực thi hành chưa tổ chức lựa chọn nhà đầu tư thì được rà soát, điều chỉnh chủ trương đầu tư hoặc điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi để áp dụng quy định của Luật này.

11. Các gói thầu lựa chọn nhà thầu đã phê duyệt và phát hành hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục tổ chức lựa chọn danh sách ngắn, lựa chọn nhà thầu, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng theo quy định của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.

12. Đối với gói thầu đã phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu nhưng đến ngày Luật này có hiệu lực thi hành mà chưa phát hành hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, trường hợp kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã phê duyệt không phù hợp với Luật này thì phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu để phù hợp với quy định của Luật này.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày thángnăm 2024.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI